

NGHIÊN CỨU, ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG SẢN XUẤT RAU, CÂY ĂN QUẢ TẬP TRUNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tạ Hồng Linh¹, Nguyễn Nam Giang^{1*}, Phạm Thị Thu Hà¹

TÓM TẮT

Quy hoạch vùng tập trung có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sản xuất hàng hóa nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng. Sự hình thành của các vùng sản xuất tập trung cho phép xây dựng các chuỗi tiêu thụ ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và nâng cao thu nhập cho nông dân. Nhận thức được vai trò quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/06/2019 về việc phê duyệt danh mục các vùng chuyên canh tập trung trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên sau 04 năm thực hiện, danh mục này đã bộc lộ nhiều vấn đề khiến việc phát triển diện tích và năng suất rau cũng như cây ăn quả của Thành phố Hà Nội không đạt theo mục tiêu đã đề ra. Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá mức độ hoàn thiện các chỉ tiêu về diện tích theo Quyết định 3215 /QĐ-UBND ngày 14/06/2019 và tìm ra một số vấn đề tồn tại trong quá trình triển khai quy hoạch. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các vùng sản xuất tập trung theo danh mục hiện không đạt về diện tích và sản lượng. Tốc độ gia tăng diện tích và năng suất rau, cây ăn quả của các vùng còn khá chậm. Nhiều diện tích phát triển vượt ngoài kế hoạch. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra một số vấn đề trong quá trình thực hiện quy hoạch, bao gồm vấn đề về nguồn lực, kỹ thuật sản xuất; vấn đề về cơ sở hạ tầng; vấn đề sản xuất theo chuỗi và vấn đề trong triển khai chính sách về quy hoạch và hỗ trợ vùng sản xuất tập trung hiện nay.

Từ khóa: Cây rau, cây ăn quả, quy hoạch, sản xuất tập trung, Hà Nội

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển sản xuất tập trung có vai trò quan trọng trong công tác quản lý kinh tế - xã hội nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng. Việc hình thành các vùng thâm canh tập trung phù hợp theo không gian và thời gian cho phép các địa phương tập trung nguồn lực phát triển các chủng loại sản phẩm cụ thể cho năng suất và chất lượng tốt hơn. Bên cạnh đó, tích tụ đất đai và sản xuất hàng hóa lớn luôn là yêu cầu được Đảng và Chính phủ quan tâm xuyên suốt quá trình phát triển. Vì vậy, trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của quốc gia và của các địa phương, quy hoạch ngành nông nghiệp luôn nằm trong những ưu tiên hàng đầu.

Tình hình sản xuất nông nghiệp của Việt Nam thời gian qua cũng có những chuyển biến tích cực. Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT (2024), giá trị gia tăng toàn ngành (GDP) tăng cao, đạt 3,83% (nông nghiệp tăng 3,88%; thủy sản tăng 3,71%, lâm nghiệp tăng 3,74%), cao nhất trong giai đoạn 2019 - 2023. Trong đó, sự chuyển hướng từ các cây trồng truyền thống sang các loại rau màu và cây ăn quả đã đóng góp một phần không nhỏ cho sự phát triển chung của ngành. Đối với rau màu, tổng diện tích canh tác trong năm 2023 đã đạt trên 1,1 triệu ha, trong đó rau

1,1 triệu ha, tăng 11,3 nghìn ha; sản lượng rau 19,07 triệu tấn, tăng 3,7%. Đối với cây ăn quả, tổng diện tích năm 2023 đạt 1.250 nghìn ha, tăng 28,6 nghìn ha. Sản lượng và chất lượng hầu hết các cây ăn quả chủ lực, có lợi thế của cả nước và từng vùng đều tăng, như: sầu riêng 1,2 triệu tấn, tăng 39%; chôm chôm 325 nghìn tấn, tăng 3,4%; dứa 724 nghìn tấn, tăng 2,9%; xoài 1.015 nghìn tấn, tăng 2,1%; nhãn 635 nghìn tấn, tăng 1,6%; vải 370 nghìn tấn, tăng 1,2%. Riêng bưởi 1,1 triệu tấn, giảm 3,1% và thanh long 1,2 triệu tấn, giảm 5,7%. Bên cạnh đó, giá trị xuất khẩu của các mặt hàng rau, trái cây cũng có xu hướng tăng mạnh. Năm 2023 đạt 5,6 tỷ USD là một nguồn thu lớn cho quốc gia.

Hà Nội là thị trường lớn và tiềm năng đối với rau và cây ăn quả. Theo Cục Thống kê Hà Nội (2023), quy mô dân số trung bình năm 2021 của Hà Nội đạt 8.330,8 nghìn người, bao gồm dân số thành thị 4.095,3 nghìn người, chiếm 49,2%; dân số nông thôn 4.235,5 nghìn người, chiếm 50,8%. Tốc độ đô thị hóa và mức thu nhập tăng nhanh khiến nhu cầu về rau và cây ăn quả cũng ngày càng trở nên phong phú, trong khi năng lực sản xuất của thành phố hiện chỉ đảm bảo một phần nhu cầu nội tiêu. Do đó, để đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, việc quy hoạch quỹ đất cần thiết cho

¹ Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

* Tác giả liên hệ, email: nng2010@gmail.com

phát triển rau, cây ăn quả tập trung là điều cần thực hiện. Nó không chỉ giúp tạo ra nguồn sản phẩm có chất lượng, số lượng, đồng đều và ổn định mà còn tạo điều kiện cho việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm một cách hiệu quả hơn, giảm thiểu hao hụt cũng như tăng giá trị của sản phẩm rau và trái cây cho Thành phố Hà Nội. Trên thực tế, thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/06/2019 về ban hành Danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn Thành phố Hà Nội và tiêu chí sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội và Quyết định số 4537/QĐ-UBND ngày 11/09/2023 về việc Ban hành danh mục định hướng các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên các chính sách đã ban hành hiện thiếu các tiêu chí phù hợp để xây dựng và tập trung đầu tư cho các vùng chuyên canh tập trung. Quá trình phát triển cho thấy còn tồn tại nhiều vấn đề như việc sử dụng đất tại các vùng quy hoạch chưa hiệu quả, khối lượng sản phẩm không đảm bảo, canh tác ở cấp nông hộ vẫn mang tính nhỏ lẻ, manh mún. Vì vậy, việc rà soát, đánh giá lại tình hình thực hiện quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất tập trung cũng như nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu quy hoạch vùng phù hợp là việc làm cần thiết cho thành phố Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là diện tích và sản lượng rau, cây ăn quả tại các vùng chuyên canh tập trung theo Quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 14/06/2019 của Thành phố Hà Nội.

- Đối tượng khảo sát bao gồm: cán bộ địa phương các cấp, người nông dân, người thu gom tại các vùng sản xuất rau và cây ăn quả của Thành phố Hà Nội hiện nay.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp: Thông tin thứ cấp được thu thập thông qua các văn bản pháp quy, chính sách hỗ trợ khác có liên quan của Thành phố Hà Nội; các báo cáo, số liệu thống kê của các cấp chính quyền địa phương về tình hình triển khai thực hiện, đánh giá kết quả xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;

các tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của các điểm nghiên cứu.

- Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp bổ sung: Thông tin sơ cấp được thu thập bổ sung sau rà soát và đánh giá các thông tin thứ cấp. Nghiên cứu sử dụng 03 mẫu phiếu điều tra cho các đối tượng khảo sát: chính quyền địa phương các cấp; nông dân sản xuất rau; nông dân sản xuất cây ăn quả và tác nhân thương mại (người thu gom, HTX/Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh...) tại 07 huyện (Chương Mỹ, Gia Lâm, Đan Phượng, Hoài Đức, Mê Linh, Đông Anh, Thường Tín). Tổng số mẫu 179: trong đó 20 người thu gom; 60 nông hộ sản xuất rau (Gia Lâm, Đông Anh, Thường Tín, Mê Linh); 60 nông hộ sản xuất cây ăn quả (Chương Mỹ, Hoài Đức, Gia Lâm) và 39 cán bộ cấp huyện và xã. Các nông hộ sản xuất rau, cây ăn quả và người thu gom được lựa chọn ngẫu nhiên tại các xã theo danh mục của quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 14/06/2019.

- Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp này được sử dụng để mô tả điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn nghiên cứu, thông qua các số liệu về diện tích, sản lượng, quy mô của nông hộ, chủng loại sản phẩm, kênh tiêu thụ... Các số liệu thu thập được từ điều tra thực địa, bảng câu hỏi sẽ được xử lý thống kê với sự hỗ trợ phần mềm chuyên dụng để tính toán các chỉ tiêu như số bình quân, tần suất, tỷ lệ phần trăm... để phản ánh thực trạng.

- Phương pháp phân tích so sánh: Phương pháp phân tích so sánh được sử dụng để so sánh các chỉ tiêu về sản xuất tập trung giữa các vùng, các chủng loại cây trồng; giữa quy hoạch giai đoạn trước và thực trạng hiện nay. Kết quả so sánh làm rõ mức độ thực hiện/đạt được của quy hoạch giai đoạn trước và là cơ sở cho việc phát triển các vùng sản xuất tập trung trong thời gian tới.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện năm 2024 tại Thành phố Hà Nội.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình sản xuất rau, cây ăn quả của thành phố Hà Nội

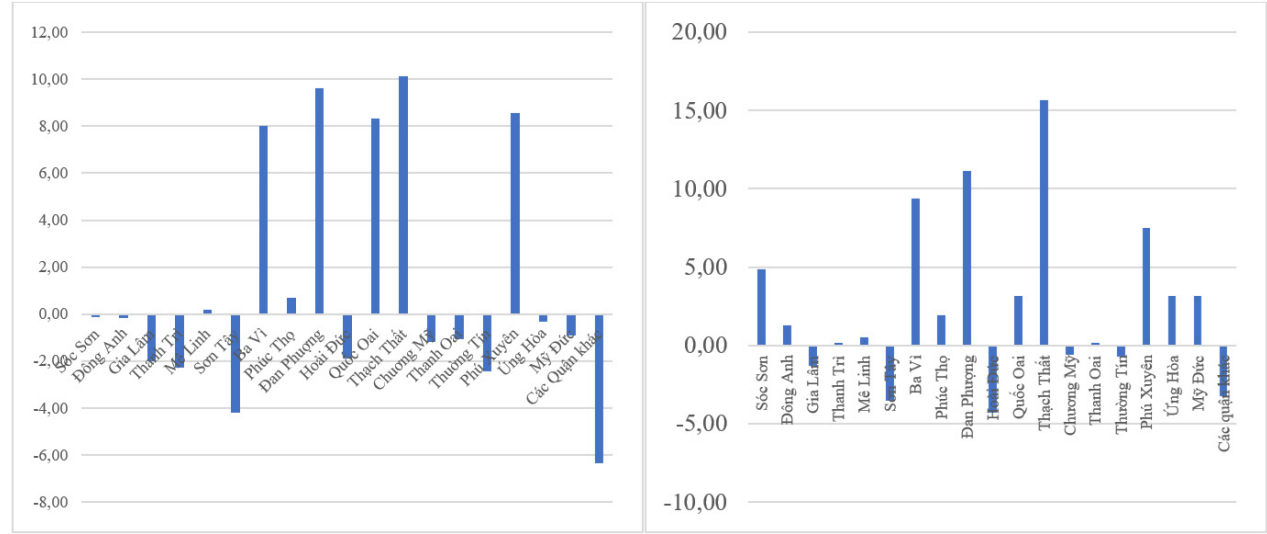
3.1.1. Tình hình sản xuất rau

Diện tích gieo trồng rau của thành phố giai đoạn 2018 - 2022 có xu hướng giảm từ 33.160 ha xuống còn 32.805 ha (giảm 355 ha), nguyên nhân diện tích gieo trồng rau giảm là do ảnh hưởng

của đại dịch Covid-19, việc giãn cách xã hội đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất và tiêu thụ rau; nhiều địa phương rau sản xuất không tiêu thụ được, do đó một phần diện tích trồng rau đã được chuyển đổi sang cây trồng khác (cây lâu năm). Diện tích canh tác phục hồi một phần vào năm 2022, đạt 33.655 ha, tăng 495 ha so với năm 2018. Một số nơi có diện tích gieo trồng lớn như Đông Anh (3.205 ha), Mê Linh (3.837 ha), Ba Vì (2.500 ha), Hoài Đức (2.042 ha), Chương Mỹ (2.761 ha), Thường Tín (2.359 ha).

Sản xuất rau của Hà Nội trong giai đoạn này nhìn chung không có được mức tăng trưởng tốt, tổng diện tích canh tác bình quân cả giai đoạn chỉ

tăng 0,37%/năm. Đa số các huyện có xu hướng giảm diện tích. Trong đó một số vùng trọng điểm có diện tích lớn như Thường Tín giảm trung bình 2,42%/năm; Đông Anh giảm 0,15%/năm; Hoài Đức giảm 1,88%/năm; Chương Mỹ giảm 1,18%/năm. Riêng huyện Ba Vì có tốc độ tăng khá nhanh, trung bình 7,99%/năm. Huyện Mê Linh hầu như ít thay đổi, tăng trung bình 0,2%/năm. Huyện Phú Xuyên và Quốc Oai mặc dù diện tích 2018 tương đối nhỏ nhưng tăng nhanh trong cùng kỳ với tốc độ lần lượt là 8,55 và 8,31%/năm. Huyện Thạch Thất có tốc độ tăng cao nhất, trung bình 10.11%/năm từ 834 ha năm 2018 lên 1158 ha năm 2022.



Hình 1. Diện tích gieo trồng và sản lượng rau Thành phố Hà Nội 2022

Về sản lượng sản xuất rau của toàn thành phố giai đoạn 2018 - 2022 có xu hướng tăng từ 692.797 tấn (năm 2018) lên 735.377 tấn (năm 2022). Trong đó sản lượng rau của 3 huyện Đông Anh (82.388 tấn), Mê Linh (90.374 tấn), Chương Mỹ (60.388) đạt cao nhất trong các quận, huyện trên địa bàn Thành phố. Tốc độ tăng sản lượng trong cùng kỳ của các địa phương không đồng đều làm tốc độ tăng trung bình của toàn Thành phố chậm. Trung bình hàng năm sản lượng rau chỉ tăng 1,5%, trong đó các huyện trọng điểm như Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ tăng rất chậm, thậm chí có xu hướng giảm, các huyện Thạch Thất, Đan Phượng có tốc độ tăng trung bình trên 10%/năm. Ba Vì và Phú Xuyên tốc độ tăng trên 5%; các huyện khác có sản lượng giảm mạnh gồm Gia Lâm, Hoài Đức, Sơn Tây, Thường Tín. Việc các huyện trọng điểm không duy trì được tăng trưởng diện tích canh tác

và sản lượng giảm cho thấy những vấn đề quan trọng trong thực hiện quy hoạch về diện tích và sản lượng rau của Thành phố Hà Nội hiện nay.

Về diện tích sản xuất tập trung rau an toàn và sản xuất theo chứng chỉ. Kết quả tổng hợp từ các huyện trên địa bàn đến hết năm 2022 cho thấy, diện tích được chứng nhận đủ điều kiện ATTP trong sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố là 5.044 ha, sản lượng đạt gần 400.000 tấn/năm, đáp ứng 40% nhu cầu tiêu dùng Thủ đô. Còn diện tích rau đạt tiêu chuẩn VietGAP là 521,6 ha. Đối với sản xuất rau hữu cơ, diện tích rau hữu cơ hiện có 212,6, trong đó đã được cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn hữu cơ 149,4 ha; diện tích đang thực hiện chuyển đổi, sản xuất theo hướng hữu cơ là 63,2 ha. Hà Nội đã vận hành 43 mô hình chuỗi trên rau áp dụng hệ thống đảm bảo có sự tham gia (PGS) giúp thu nhập của người sản xuất tăng lên. Duy trì quản

lý 11 nhóm sản xuất hữu cơ, với diện tích khoảng 12 ha tại xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn.

Kết quả phỏng vấn sâu: Các mô hình sản xuất rau an toàn hiện nay khá phổ biến và khá đa dạng về quy mô. Kết quả rà soát và khảo sát các mô hình trên địa bàn Thành phố năm 2024 cho thấy, Hà Nội hiện có 104 vùng sản xuất rau an toàn với quy mô từ 20 ha trở lên tập trung ở Đông Anh, Gia Lâm, Chương Mỹ, Thanh Trì, Hoài Đức, Mê Linh với đa dạng các chủng loại sản phẩm. Theo đánh giá của Chi cục Trồng trọt và BVTV Hà Nội (2023), các mô hình có diện tích từ 20 ha trở lên đạt được hiệu suất theo quy mô, cho giá trị từ 400 đến 500 triệu đồng/ha/năm. Kết quả khảo sát tại Gia Lâm và Mê Linh cho thấy, các nông hộ tại các vùng có diện tích từ 0,3 ha trở lên có mức thu nhập/đơn vị diện tích cao hơn so với các nông hộ chỉ có từ 1 đến 2 sào.

3.1.2. Tình hình sản xuất cây ăn quả

Diện tích gieo trồng cây ăn quả của Thành phố giai đoạn 2018 - 2022 đều tăng từ 18.796 ha năm 2018 lên 19.943 ha năm 2022, tăng 1.147 ha. Tuy nhiên, một số cây ăn quả chính lại giảm như cây xoài năm 2022 (478 ha) giảm 5 ha so với năm 2018 (483 ha); cây bưởi, cam năm 2022 (721 ha) giảm 157 ha so với năm 2018 (878 ha); cây táo năm 2022 (649 ha) giảm 103 ha so với năm 2018 (752 ha); cây nhãn năm 2022 (1.248 ha) giảm 554 ha so với năm 2018 (1.802 ha); cây vải năm 2022 (875 ha) giảm 555 ha so với năm 2018 (320 ha); chỉ có cây ổi và cây nho năm 2022 (1.978 ha và 12 ha) tăng so với năm 2018 (1.460 ha và 1 ha), cây nho là cây mới được phát triển tại Thành phố Hà Nội, nên diện tích không nhiều so với các cây trồng khác.

Tổng diện tích cây ăn quả của Hà Nội được phân theo các đơn vị hành chính cấp huyện giai đoạn 2018 - 2022, diện tích cây ăn quả các huyện được trồng nhiều nhất là huyện Ba Vì với diện tích trên 2.000 ha, huyện trồng ít nhất là Thanh Trì (dưới 300 ha), các huyện khác đều từ 400 đến dưới 2.000 ha. Các huyện Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh, Phúc Thọ, Đan Phượng, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Phú Xuyên và Ứng Hòa diện tích cây ăn quả đều tăng lên theo từng năm, huyện tăng cao nhất là Gia Lâm năm 2022 đạt 1.595 ha, tăng 402 ha so với năm 2018 (1.193 ha), sau đó đến Phúc Thọ năm 2022 (1.307) tăng 372 ha so với năm 2018 (935 ha), Hoài Đức năm 2022 (1.196 ha) tăng

300 ha so với năm 2018 (896 ha), các huyện còn lại đều tăng từ 1 đến 284 tấn. Trừ các huyện trên, diện tích cây ăn quả năm 2022 đều giảm so với năm 2018 như thị xã Sơn Tây giảm 588 ha, huyện Ba Vì giảm 399 ha, huyện Thạch Thất giảm 29 ha, huyện Thanh Oai giảm 35 ha, huyện Thường Tín giảm 26 ha, huyện Mỹ Đức giảm 58 ha và các quận giảm 83 ha.

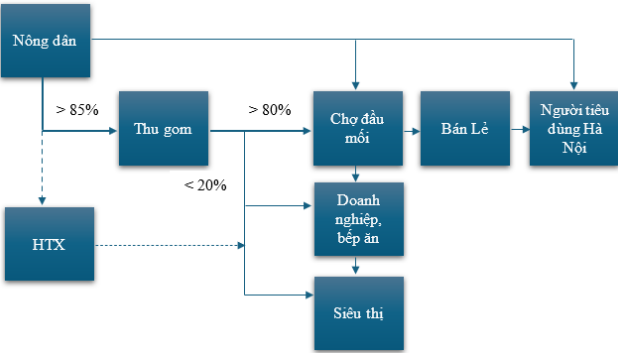
Diện tích gieo trồng cây ăn quả giá trị kinh tế cao là 10.434 ha tại 234 xã, phường của 20 quận, huyện, thị xã, chiếm khoảng 52,5 % diện tích sản xuất cây ăn quả của Thành phố, đạt 91,3% kế hoạch, tăng 5.857 ha so với năm 2018 (tăng 2,4 lần). Diện tích trung bình một vùng đạt 10 - 15 ha, có một số vùng có diện tích trên 50 ha như vùng trồng bưởi, vùng trồng ổi, vùng trồng nhãn tại Phúc Thọ, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ba Vì, Thanh Trì, Thường Tín... Cơ cấu cây ăn quả khá đa dạng gồm các chủng loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao như táo, ổi, cây có múi (bưởi, cam, quýt), nhãn, thanh long, mít... Một số diện tích sản xuất cây ăn quả áp dụng các biện pháp canh tác theo VietGAP, hữu cơ... cho sản phẩm đạt chất lượng cao. Đã hình thành và phát triển được các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ có hiệu quả như chuỗi sản xuất và tiêu thụ chuối tại xã Thuần Mỹ - Ba Vì, chuỗi sản xuất và kinh doanh bưởi an toàn Quế Dương tại Cát Quế - Hoài Đức, chuỗi sản xuất và tiêu thụ nhãn chín muộn của HTX Đại Thành - Quốc Oai, chuỗi sản xuất và tiêu thụ bưởi Diễn của HTX Nông nghiệp hữu cơ Nam Phương Tiến...

Về sản lượng, tổng sản lượng cây ăn quả của toàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2022 tăng từ 251.742 tấn lên 302.480 tấn. Một số cây như cam, táo, nhãn và vải có sản lượng giảm theo từng năm, sản lượng cây bưởi/cam năm 2022 (6.451 tấn) giảm 273 tấn so với năm 2018 (6.724 tấn), cây táo năm 2022 (8.854 tấn) giảm 1.469 tấn so với năm 2018 (10.323 tấn), cây vải năm 2022 (2.377 tấn) giảm 5.322 tấn (trên 50%) so với năm 2018 (7.699 tấn), cây nhãn năm 2022 (9.718 tấn) giảm khá nhiều (8.058 tấn) so với năm 2018 (17.776 tấn). Cây nho, ổi và cây xoài năm 2022 đều tăng so với năm 2018. Sản lượng cây xoài năm 2022 (4.566 tấn) tăng 106 tấn so với năm 2018 (4.460 tấn), 1.091 tấn so với năm 2019 (3.475 tấn), 665 tấn so với năm 2020 (3.901 tấn) và 338 tấn so với năm 2021 (4.228 tấn). Cây nho là cây mới được phát triển tại Hà Nội, tuy nhiên sản lượng năm 2022

(15 tấn) tăng 13 tấn (6,5 lần) so với 2018 (2 tấn). Trong các loại cây ăn quả, cây ổi là cây có tổng diện tích, diện tích cho thu hoạch và sản lượng lớn nhất của Hà Nội, năm 2022 đạt 31.343 tấn, tăng 6.587 tấn so với năm 2018 (24.756 tấn).

3.1.3. Thị trường và chuỗi tiêu thụ sản phẩm

Sản xuất rau và cây ăn quả hiện nay của Hà Nội chủ yếu phục vụ mục đích nội tiêu. Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội (2023) cho biết, các vùng sản xuất rau hiện nay của Thành phố mới chỉ đáp ứng được 40% nhu cầu của Thành phố. Kết quả khảo sát người thu gom cũng cho thấy, thị trường kinh doanh của 100% số người được hỏi là trong nội tỉnh với nhiều đối tượng khác nhau, từ phân phối thẳng tới người tiêu dùng, các cửa hàng thực phẩm, các siêu thị tới các chợ đầu mối và các chợ truyền thống. Trong đó, xu hướng tiêu dùng thông qua các siêu thị, các cửa hàng thực phẩm và vận chuyển trực tiếp thông qua thương mại điện tử đang ngày càng được ưa chuộng hơn. Tuy nhiên, tiêu thụ theo các kênh truyền thống vẫn giữ vai trò chủ đạo (chiếm hơn 80%).



Hình 2. Sơ đồ kênh tiêu thụ chủ yếu các sản phẩm rau và cây ăn quả tại Hà Nội

Một số chuỗi tiêu thụ sản phẩm được hình thành và phát triển khá mạnh, được Hà Nội hỗ trợ nhãn mác, đăng kí chỉ dẫn nguồn gốc và tem truy xuất, như các mô hình VietGAP của HTX Dịch vụ tổng hợp Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh; mô hình tại xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, xã Văn Đức, huyện Chương Mỹ. Tuy nhiên nhiều mô hình khác còn mang tính hình thức, chưa có sự nhận thức rõ ràng giữa rau, quả an toàn so với các sản phẩm thông thường. Chất lượng không đồng đều và năng suất không ổn định khiến việc xây dựng thương hiệu nông sản địa phương gặp nhiều khó khăn. Theo Chi cục Trồng trọt và BVTV Hà Nội (2022), mặc dù Hà Nội rất tích cực trong công tác chỉ đạo điều hành và đã tiếp nhận một số dự án,

kế hoạch liên kết đề nghị hỗ trợ, tuy nhiên, trên địa bàn cũng còn một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai mô hình. Sau một thời gian hoạt động, đến năm 2021 có 13 chuỗi ngừng hoạt động và chỉ thêm 17 chuỗi được thành lập mới (trong giai đoạn 2016 - 2020, Thành phố Hà Nội đã xây dựng được 141 chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp). Điều này cho thấy tốc độ gia tăng các chuỗi ở mức rất thấp. Trong 145 chuỗi được hình thành theo 7 hình thức liên kết chuỗi quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 5/7/2018, của Chính phủ về “Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”, có 46 liên kết theo hình thức chuỗi liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, kiểu liên kết này không bền vững, dẫn đến hợp đồng liên kết dễ bị phá vỡ. Lúc giá thị trường cao hơn giá thỏa thuận thì người sản xuất không bán sản phẩm cho doanh nghiệp mà bán thẳng ra thị trường; lúc giá thị trường thấp hơn giá thỏa thuận thì doanh nghiệp bỏ không thu mua sản phẩm của người sản xuất, dẫn đến liên kết chuỗi bị phá vỡ. Từ năm 2020 đến cuối 2021, đã có 13 liên kết bị ngừng hoạt động đều rơi vào hình thức liên kết này. Một số chuỗi liên kết chưa hoàn chỉnh, quy mô nhỏ theo hình thức “thuận mua, vừa bán” cho nên dễ xảy ra tình trạng đứt gãy, phá vỡ hợp đồng đã ký giữa nông dân với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Khi tham gia chuỗi liên kết, nhiều hợp tác xã chưa có sự đánh giá, nghiên cứu kỹ lưỡng về thị trường, tiêu chuẩn chất lượng hoặc chưa đủ mạnh về nguồn nhân lực, nguồn vốn. Nhiều sản phẩm nông nghiệp chưa có nhãn mác, thương hiệu, khó tiêu thụ ở các kênh phân phối hiện đại...

3.2. Tình hình quy hoạch và thực hiện quy hoạch

3.2.1. Đối với cây rau

Chủ trương phát triển sản xuất rau và cây ăn quả tập trung trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã được xác định trong quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 14 tháng 06 năm 2019 của Thành phố Hà Nội trong đó, vùng chuyên canh cây rau gồm 104 vùng thuộc 19 huyện, thị xã với tổng diện tích được quy hoạch là 6.685 ha, mở rộng 4518 ha so với diện tích hiện có của năm 2018 (2.696 ha). Tuy nhiên, kết quả rà soát việc thực hiện quy hoạch cho thấy, tổng diện tích cho sản xuất rau không đạt được như diện tích theo quy hoạch đặt ra. Theo đó, tổng diện tích canh tác tại các vùng trồng tập trung tính

đến hết năm 2023 là 5.668 ha, tương đương 84,79% và thấp hơn 1017 ha so với diện tích được quy hoạch. Các địa phương có vùng quy hoạch đều có diện tích thấp hơn so mục tiêu, riêng huyện Đông Anh vượt quy hoạch 43,59%, quận Hà Đông vượt 20,61%; huyện Ứng Hòa, Thường Tín và Mỹ Đức là đạt được theo quy hoạch.

Một số vùng quy hoạch diện tích rau tập trung trên 100 ha có tỷ lệ hoàn thành quy hoạch thấp như huyện Phú Xuyên (đạt 52,75%); huyện Sóc Sơn (94,07%); huyện Đan Phượng (84,59%); huyện Phúc Thọ (85,25%); huyện Mê Linh (87,07%).

Trong khi một số vùng/xã thuộc các huyện không đạt mục tiêu quy hoạch thì một số vùng khác lại được hình thành theo hoạt động canh tác của người dân nhưng lại không nằm trong danh mục của Quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 14/06/2019. Có tới 24 xã với diện tích canh tác tập trung hiện có 1.193 ha nhưng không nằm trong danh mục được quy hoạch giai đoạn trước bằng 20% so với tổng diện tích quy hoạch. Các huyện Chương Mỹ, Đông Anh, Đan Phượng có số lượng xã và diện tích tập trung nằm ngoài quy hoạch lớn nhất, riêng Đan Phượng chiếm tới hơn 30%.

Bảng 1. Kết quả thực hiện quy hoạch rau theo QĐ 3215/QĐ-UBND

STT	Địa phương	Diện tích thực tế năm 2018 (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thực tế năm 2023 (ha)	Chênh lệch so với quy hoạch (ha)	Tỷ lệ hoàn thành quy hoạch (%)
1	Huyện Mê Linh	522	696	606	-90	87,07
2	Huyện Chương Mỹ	85	236	156	-80	66,10
3	Huyện Đông Anh	122	195	280	85	143,59
4	Huyện Thanh Oai	38	231	187	-44	80,95
5	Huyện Hoài Đức	85	422	386	-36	91,47
6	Huyện ứng Hòa	10	170	170	0	100,00
7	Huyện Thanh Trì	110	150	141	-9	94,00
8	Huyện Thường Tín	507	545	545	0	100,00
9	Huyện Gia Lâm	177	410	389	-21	94,88
10	Huyện Ba Vì	75	426	247	-179	57,98
11	Huyện Quốc Oai	41	135	78	-57	57,78
12	Huyện Phú Xuyên	159	584	307	-277	52,57
13	Huyện Sóc Sơn	227	691	650	-41	94,07
14	Huyện Mỹ Đức	10	134	134	0	100,00
15	Quận Hà Đông	95	165	199	34	120,61
16	Huyện Phúc Thọ	202	530	452	-78	85,28
17	Huyện Đan Phượng	104	532	450	-82	84,59
18	Huyện Thạch Thất	90	285	200	-85	70,18
19	Thị xã Sơn Tây	37	148	91	-57	61,49
	<i>Tổng cộng</i>	2.696	6.685	5.668	-1.017	84,79

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội (2018, 2023), Niên giám thống kê Hà Nội (2018, 2023).

3.2.2. Đối với cây ăn quả

Diện tích sản xuất cây ăn quả giá trị kinh tế cao là 10.434 ha tại 234 xã, phường của 20 quận, huyện, thị xã, chiếm khoảng 52,5% diện tích sản xuất cây ăn quả của Thành phố, đạt 91,3 % kế hoạch, tăng 5.857 ha so với năm 2018 (tăng 2,4 lần).

Diện tích trung bình một vùng đạt từ 10 đến 15 ha, có một số vùng có diện tích trên 50 ha như: vùng trồng bưởi, vùng trồng ổi, vùng trồng nhãn tại Phúc Thọ, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ba Vì, Thanh Trì, Thường Tín... Cơ cấu cây ăn quả

khá đa dạng gồm các chủng loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao như táo, ổi, cây có múi (bưởi, cam, quýt), nhãn, thanh long, mít... Một số diện tích sản xuất cây ăn quả áp dụng các biện pháp canh tác theo VietGAP, hữu cơ... cho sản phẩm đạt chất lượng cao. Đã hình thành và phát triển được các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ có hiệu quả như: chuỗi sản xuất và tiêu thụ chuối tại xã Thuần Mỹ - Ba Vì, chuỗi sản xuất và kinh doanh bưởi an toàn Quế Dương tại Cát Quế - Hoài Đức, chuỗi sản xuất và tiêu thụ nhãn chín muộn của HTX Đại Thành - Quốc Oai, chuỗi sản xuất và tiêu thụ bưởi Diễn

của HTX Nông nghiệp hữu cơ Nam Phương Tiến.

Đối với thực hiện quy hoạch vùng cây ăn quả tập trung, thấp hơn đáng kể so với cây rau, tính đến năm 2023, tỷ lệ hoàn thành quy hoạch và diện tích mới chỉ đạt 75,8%, thấp hơn 2.684 ha so với mục tiêu đặt ra. Các huyện có diện tích lớn như Sóc Sơn, Gia Lâm, Phúc Thọ, Ba Vì, Sơn Tây có tỷ lệ hoàn thành quy hoạch rất thấp, lần lượt là 46,35%; 62,08%; 68,28%; 46,67%; 23,75%. Chỉ một số ít các huyện đạt được mục tiêu của quy hoạch và phát triển được phần diện tích vượt quy hoạch bao gồm Thường Tín, Thanh Oai, Đan Phượng, Thanh Trì. Các huyện này nhìn chung có diện tích cây ăn quả không quá lớn. Về chủng loại sản phẩm,

đáng chú ý các huyện có diện tích lớn và không đạt được mục tiêu theo quy hoạch chủ yếu sản xuất cây có múi (bưởi, cam), ổi trong khi các huyện hoàn thành và vượt quy hoạch có diện tích các loại cây chuối, một phần cây có múi và các loại cây trồng mới như nhãn. Tỷ lệ không hoàn thành quy hoạch tập trung ở một số chủng loại cây trồng chính cho thấy thực tế thời gian qua Hà Nội phát triển thiếu kiểm soát nhiều loại cây trồng nhưng không đáp ứng được các điều kiện về chất lượng đất, hệ thống sản xuất và chuỗi thị trường dẫn tới tình trạng năng suất chất lượng thấp, tốc độ tiêu thụ chậm và người dân dần chuyển đổi sang các loại cây trồng/ mục đích khác.

Bảng 2. Kết quả thực hiện quy hoạch sản xuất vùng cây ăn quả tập trung theo Quyết định 3215/QĐ-UBND

STT	Địa bàn	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích năm 2023 (ha)	Tỷ lệ hoàn thành quy hoạch (%)	Chênh lệch
	Tổng: 174 xã	11,092	8,408	75,80	-2,684
1	Huyện Hoài Đức	515	373	72.43	-142
2	Huyện Chương Mỹ	828	670	80.92	-158
3	Huyện Sóc Sơn	1,275	591	46.35	-684
4	Huyện Quốc Oai	605	531	87.77	-74
5	Huyện Gia Lâm	1,047	650	62.08	-397
6	Huyện Thường Tín	280	280	100.00	0
7	Huyện Mê Linh	457	365	79.87	-92
8	Huyện Thanh Oai	335	412	122.99	77
9	Quận Long Biên	170	170	100.00	0
10	Huyện Phúc Thọ	1,365	932	68.28	-433
11	Huyện Ba Vì	1,830	854	46.67	-976
12	Huyện Mỹ Đức	150	124	82.67	-26
13	Huyện Đan Phượng	476	1,130	237.39	654
14	Huyện Thạch Thất	190	145	76.32	-45
15	Quận Hà Đông	68	73	107.35	5
16	Huyện Thanh Trì	100	130	130.00	30
17	Thị xã Sơn Tây	800	190	23.75	-610
18	Huyện Ứng Hoà	200	200	100.00	0
19	Huyện Phú Xuyên	589	562	95.42	-27

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội (2018, 2023), Niên giám thống kê Hà Nội (2018, 2023).

Tại các huyện có diện tích không đạt theo mục tiêu của kế hoạch, kết quả rà soát cho thấy có các nguyên nhân chính như sau:

(1) Do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa của một số xã có tên trong danh mục vùng/khu sản xuất chuyên canh tập trung gây khó khăn cho việc đầu tư và mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, tình trạng vi phạm pháp luật về chuyển đổi đất nông nghiệp tại nhiều địa phương vẫn diễn ra phổ biến. Tại huyện Chương Mỹ, do chuyển đổi hình thành

các khu dân cư khiến diện tích canh tác ở xã Nam Phương Tiến chỉ đạt 20 ha, trong khi quy hoạch lên tới 70 ha. Trong khi đó tại xã An Thượng huyện Hoài Đức, một xã được quy hoạch có tới 60 ha diện tích trồng rau tập trung nhưng kết quả rà soát năm 2023 không có diện tích canh tác nào được thực hiện do sự xuất hiện của các khu tiểu thủ công nghiệp, đã chuyển đổi đất trồng cây ăn quả nhãn, bưởi, ổi thành các xưởng sản xuất và các tuyến đường bê tông cho các phương tiện di chuyển.

(2) Theo kết quả phỏng vấn sâu tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, Quyết định 3215/QĐ-UBND các vùng chuyên canh tập trung gắn liền với tiêu chí nông nghiệp công nghệ cao nhưng các tiêu chí về công nghệ cao hiện nay đã thay đổi. Các tiêu chí được chuyển sang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và bổ sung danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 về Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao. Do đó, các tiêu chí của Quyết định 3215/QĐ-UBND không còn phù hợp và khó thực hiện ở nhiều địa phương khiến các huyện không đạt được mục tiêu theo quy hoạch.

(3) Định hướng phát triển lên quận của một số huyện. Theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ngoài 12 quận hiện có, Thành phố Hà Nội quy hoạch thêm 06 quận/thành phố, trong đó các quận được định hướng thành lập gồm Gia Lâm, Hoài Đức, Thanh Trì, Đông Anh và các quận/thành phố, đô thị được định hướng thành lập gồm Đan Phượng, Mê Linh. Ngoài ra, một số thành phố/thị xã được quy hoạch thành lập gồm: Đô thị Sóc Sơn, đô thị Hòa Lạc, đô thị Xuân Mai, đô thị Sơn Tây, đô thị Phú Xuyên. Do đó, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động mở rộng diện tích canh tác rau và cây ăn quả tại các địa phương này. Kết quả phỏng vấn sâu các cán bộ phòng nông nghiệp huyện Đan Phượng, Gia Lâm (2024), ngoài các diện tích đã và đang được sử dụng để sản xuất rau an toàn, rau VietGAP, các huyện hiện không có chủ trương mở rộng diện tích cho sản xuất do có phương án sử dụng đất cho mục đích đô thị. Bên cạnh đó, khi phát triển lên cấp quận, các huyện sẽ phải chuyển đổi nhiều diện tích đất nông nghiệp sang mục đích khác nên việc thực hiện theo quy hoạch sẽ gặp nhiều khó khăn.

(4) Ngoài ra, quá trình thực hiện quy hoạch vùng rau, cây ăn quả tập trung thời gian qua còn gặp phải một số khó khăn tại cơ sở như vấn đề về nguồn lực và kỹ thuật sản xuất của các nông hộ,

vấn đề về cơ sở hạ tầng, vấn đề trong liên kết, sản xuất và tiêu thụ, vấn đề về triển khai chính sách quy hoạch vùng sản xuất tập trung. Các vấn đề này sẽ được làm rõ hơn trong quá trình khảo sát trực tiếp các nông hộ trên thực địa.

3.3. Một số vấn đề trong quá trình thực hiện quy hoạch

Để nắm rõ được một số vấn đề trong quá trình quy hoạch hiện nay, kết quả khảo sát cán bộ địa phương, nông hộ và người thu gom, tiêu thụ cho thấy nhiều bất cập của các vùng sản xuất tập trung hiện nay trên địa bàn Thành phố Hà Nội, bao gồm các vấn đề về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, chuỗi sản xuất và triển khai các chính sách về quy hoạch tại các địa phương.

3.3.1. Vấn đề về nguồn lực, kỹ thuật sản xuất

Về vấn đề nguồn lực, kỹ thuật sản xuất và năng lực quản lý sản xuất của nông dân tại các vùng trồng tập trung, kết quả khảo sát cho thấy, tại các vùng sản xuất tập trung chỉ có 66,67% số người được hỏi tại các vùng rau và 55,56% số người được hỏi tại các vùng sản xuất cây ăn quả, người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, biết áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới. Thực tế các vùng rau, cây ăn quả có truyền thống sản xuất lâu đời như Văn Đức, Văn Nội, Hà Hồi... các mô hình của nông dân được đầu tư và thực hành bài bản hơn mới có kỹ thuật sản xuất tốt, có thể áp dụng các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn như VietGAP, hữu cơ, an toàn một cách thuận lợi. Trong khi các vùng mới phát triển gần đây chủ yếu canh tác truyền thống nên chất lượng và số lượng không được đảm bảo.

Kinh nghiệm quản lý vùng trồng của nông dân cũng còn nhiều hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy, 66,67% số người được hỏi tại các vùng rau được khảo sát chưa nắm rõ được các nội dung của quản lý vùng trồng cũng như việc khai thác và sử dụng các loại bao bì, nhãn mác. Một số vùng đã được cấp mã số, được hỗ trợ tập huấn áp dụng quy trình quản lý nhưng không thực hiện đầy đủ. Kết quả khảo sát sâu tại Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ cho thấy, việc quản lý mã số vùng trồng còn gặp nhiều hạn chế và khó mở rộng được là do xuất phát từ thói quen canh tác, nhiều người dân chưa có ý thức ghi chép sổ sách nhật ký chăm sóc cây trồng, khiến hiệu quả giám sát chất lượng sản phẩm còn hạn chế. Bên cạnh đó, kết quả phỏng vấn sâu Chi

cục Trồng trọt và BVTV Hà Nội (2024) cho thấy, các hợp tác xã và nông dân mới chỉ quan tâm đến cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, mà chưa chú trọng đến công tác duy trì, giám sát chéo lẫn nhau, dẫn tới một số sản phẩm không đáp ứng yêu cầu. Trong năm 2023, có 124 cơ sở trên địa bàn được cấp mã số vùng trồng với tổng diện tích 794,4 ha, trong đó cây rau 27 cơ sở, 86 ha; cây ăn quả 34 cơ sở với 231,4 ha. Tuy nhiên, tỷ lệ đảm bảo duy trì đúng quy định mã số vùng trồng mới chỉ đạt 80%.

Kết quả khảo sát cán bộ tại các huyện Chương Mỹ, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh và Sở Nông nghiệp PTNT Hà Nội (2024) cũng cho thấy, mặc dù các vùng rau và cây ăn quả hiện nay được quy hoạch tập trung nhưng thực tế trên đồng ruộng còn nhỏ lẻ, dẫn tới liên kết giữa đại diện vùng trồng với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu còn lỏng lẻo. Hệ thống các văn bản trong quản lý, sử dụng mã vùng trồng cũng như chế tài xử lý vi phạm chưa đầy đủ và vẫn còn hiện tượng sử dụng mã số chưa đúng.

Về kỹ thuật sản xuất và sử dụng đầu vào, nhìn chung các yếu tố sản xuất cho nông hộ đều được đảm bảo. Chất lượng giống, chất lượng phân bón đều được nông dân mua tại các đại lý uy tín, các HTX dịch vụ với những nhãn hiệu sản phẩm có uy tín, rất ít tình trạng chất lượng giống thấp và phân bón không đạt chất lượng. Riêng nguồn nước tưới là một trong những vấn đề lớn nhất hiện nay, đặc biệt là các vùng trồng cây ăn quả, việc thiếu nguồn nước ảnh hưởng khá rõ đến năng suất cây trồng của các hộ dân.

3.3.2. Vấn đề về cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là một trong những vấn đề còn tồn tại, mặc dù thời gian qua nhiều huyện đã tập trung đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, đường giao thông, tuy nhiên hiện trạng các kênh mương gây ra nhiều khó khăn cho sản xuất rau và cây ăn quả. Trong khi trên 80% số vùng có hệ thống đường giao thông nội đồng thuận lợi thì có 44,4% chiều dài kênh mương bị bồi lắng, 11,1% hệ thống thủy lợi không được khai thác hiệu quả. Kết quả khảo sát các đơn vị cấp xã cho kết quả thấp hơn với diện tích bồi lắng do xã quản lý lên tới 55,56%.

Kết quả khảo sát người dân về cơ sở hạ tầng cũng cho thấy, kết quả tương tự khi hệ thống thủy

lợi tại các vùng rau và cây ăn quả được đánh giá bình thường, tốt và rất tốt (72% và 61%). Hệ thống giao thông và điện cũng được người dân đánh giá là thuận lợi. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng cho thu gom, chế biến và bảo quản sản phẩm thì hầu như chưa được đầu tư xây dựng, người dân thiếu các kho bảo quản sản phẩm, hầu hết đều được tiêu thụ trong ngày dưới dạng ăn tươi nên dễ bị hư hỏng trong điều kiện thời tiết thay đổi.

3.3.3. Vấn đề về sản xuất theo chuỗi

Về các vấn đề liên quan đến sản xuất theo chuỗi tại các vùng trồng tập trung hiện nay, có thể nói đây là vấn đề quan trọng nhất mà hầu hết người dân và cán bộ địa phương tại các vùng trồng quan tâm. Theo đó, hiện nay 86,96% sản phẩm rau và 91,11% sản phẩm cây ăn quả được tiêu thụ qua kênh bán buôn. Tỷ lệ tiêu thụ trực tiếp qua bán lẻ của hộ là 41,96% đối với rau và 69,09% đối với cây ăn quả, không có hộ nào đa dạng được hình thức tiêu thụ khác như thương mại điện tử hoặc với công ty. Tỷ lệ tiêu thụ theo hợp đồng của nông dân tại các vùng trồng tập trung cũng rất thấp khi chỉ 29,5% số hộ sản xuất rau có tiêu thụ theo hợp đồng và 10% số hộ trồng cây ăn quả sản xuất theo hợp đồng.

Mức độ liên kết với các tác nhân thu gom của các hộ sản xuất là khá thấp, đặc biệt là nhóm cây ăn quả khi chỉ 30% số hộ có liên kết chặt chẽ với người thu gom, 28% liên kết chặt chẽ với người bán buôn; 12% liên kết chặt chẽ với người bán lẻ và tiêu dùng. Đối với các hộ sản xuất rau, liên kết chặt chẽ với người thu gom đạt 54,1%; đối với người bán buôn là 31,1%, đối với người bán lẻ là 27,9% và người tiêu dùng là 16,4%.

Qua đó có thể thấy, liên kết giữa các vùng sản xuất và tiêu thụ hiện nay còn rất hạn chế và không đa dạng, tình trạng được mùa mất giá và thu nhập không ổn định của nông dân vẫn còn tiếp diễn. Ngay cả việc một số vùng có thiết kế bao bì, nhãn mác, cấp mã số vùng trồng cũng chưa thực sự mang lại hiệu quả trong sản xuất theo chuỗi cho các nông hộ.

3.3.4. Vấn đề về triển khai chính sách về quy hoạch vùng sản xuất tập trung

Kết quả khảo sát các cán bộ cấp huyện cho thấy, các vấn đề trong quy hoạch còn tồn tại trong quá trình thực tế thực thi. Theo đó, các vùng sản xuất rau chỉ 61% có vị trí cao hơn các vị trí lân cận, có

tới 39% nằm trong vùng trung. Bên cạnh đó, 22,2% số vùng được khảo sát không có ranh giới rõ ràng với các vùng ô nhiễm, các khu công nghiệp. Chỉ 33,3% vùng sản xuất rau có vùng đệm với các cây trồng, vật nuôi khác. Tại các xã nằm trong vùng được quy hoạch, tỷ lệ xã được khảo sát có vùng đệm là 33,33% trong khi cây ăn quả là 40%. Đối với cây ăn quả, tình hình cũng diễn ra tương tự. Tại nhiều vùng, việc sản xuất manh mún, lẻ tẻ, xen kẽ lẫn nhau giữa các hộ về các chủng loại cây trồng, vật nuôi diễn ra phổ biến. Không hình thành các vùng tập trung trên thực địa. Nhiều vùng cây ăn quả nằm trên các diện tích đất bãi, đất trũng dễ bị ngập nước và thiệt hại do mưa lớn. Các địa phương cũng đã đầu tư và ý thức tới người dân về việc xử lý bao bì thuốc BVTV, do đó các hoạt động thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV được người dân thực hiện khá tốt với các biện pháp chôn, đốt (11,11%); đưa vào nơi thu gom, xử lý rác thải thuốc BVTV (77,78%), chỉ một số rất nhỏ vứt tại ruộng hoặc đưa vào nơi tập trung cùng với rác thải sinh hoạt.

Mặc dù các địa phương đã triển khai thực hiện các chính sách về quy hoạch vùng sản xuất tập trung. Tuy nhiên, kết quả khảo sát người dân tại các vùng quy hoạch lại cho thấy, kết quả và hiệu quả của việc triển khai còn nhiều dấu hỏi. Cụ thể, đối với vùng rau, tỷ lệ hộ biết về các hoạt động khảo sát thực tế khi xây dựng quy hoạch vùng trồng tập trung là 42,6%; kiểm định chất lượng môi trường 34,4%; xây dựng các tổ nhóm sản xuất 32%; xây dựng và phát triển các HTX 45,9%; đo đạc trên thực tiễn 19,7%; triển khai họp ý kiến nhân dân 52,5%, họp triển khai với các đoàn thể, đại diện nông dân là 34,4%. Đối với nhóm cây ăn quả, tỷ lệ này còn thấp hơn với lần lượt các chỉ tiêu là 44%; 22%; 14%; 34%; 20%; 18%. Điều đó cho thấy thông tin tuyên truyền quá trình xây dựng các vùng trồng tập trung và các hoạt động đo đạc khảo sát chưa phủ rộng, chưa đủ để người dân nắm được các thông tin.

Bên cạnh đó, người dân tại các vùng trồng cũng chưa thật sự nhận được các chính sách hỗ trợ cần thiết. Hầu như toàn bộ các nông hộ trồng cây ăn quả được khảo sát đều cho biết họ không nhận được hỗ trợ trong thương mại sản phẩm. Riêng đối với các hộ sản xuất rau, một số nhỏ nhận được hỗ trợ chủ yếu là thông qua các hoạt động xây dựng nhãn hiệu tập thể (24,6%) và cung cấp thông tin thị trường (18%). Ngoài ra, các nông hộ vẫn phải

hoạt động độc lập trong sản xuất kinh doanh. Cũng chính vì vậy, trong số các khó khăn được đề cập chỉ có vấn đề sâu bệnh phức tạp và thủy lợi là hai khó khăn về mặt kỹ thuật được lựa chọn cao (34,4%, 24,6% đối với rau và 30%, 20% đối với cây ăn quả). Hai khó khăn lớn nhất thuộc về giá bán thấp và khó tiêu thụ sản phẩm (42,6%, 45,9% nhóm rau và 44%, 46% nhóm cây ăn quả).

IV. KẾT LUẬN

Nhằm làm rõ hơn các vấn đề trong quá trình phát triển sản xuất rau, cây ăn quả tại các vùng trồng tập trung đã được quy hoạch trong giai đoạn trước, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đã tiến hành khảo sát, đánh giá thông qua các cán bộ cấp huyện, cấp xã, người thu gom và nông dân sản xuất rau, cây ăn quả tại các vùng trồng tập trung được quy hoạch theo quyết định 3215/QĐ-UBND.

Kết quả cho thấy, các vùng trồng hiện đã đảm bảo được một số yếu tố cơ bản cho việc phát triển như cơ sở hạ tầng điện, đường; chất lượng đầu vào cũng như kinh nghiệm của người dân trong sản xuất. Tuy nhiên, kết quả tổng hợp cho thấy, việc sản xuất và tiêu thụ vẫn mang tính manh mún, độc lập, chưa có nhiều liên kết chặt chẽ trong sản xuất. Mặc dù tỷ lệ trả lời khó khăn trong khâu tiêu thụ cao nhưng nhà nước cũng chưa có các chính sách hỗ trợ phù hợp để thúc đẩy sản xuất theo chuỗi.

Bên cạnh đó, việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật còn khá hạn chế, tỷ lệ tuân thủ kỹ thuật canh tác thấp, đây cũng là nguyên nhân khiến các sản phẩm tại nhiều vùng quy hoạch không đảm bảo độ đồng đều cũng như chất lượng, gây khó khăn cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu. Một số vùng trồng trong khu vực quy hoạch có điều kiện tự nhiên chưa phù hợp cho canh tác. Chính vì vậy, trong thời gian tới, cần thiết phải rà soát lại các vùng trồng tập trung, lựa chọn một số vùng có hiệu quả cao để đầu tư thâm canh, áp dụng các công nghệ cao để tạo ra khối lượng sản phẩm đủ lớn với chất lượng đảm bảo phục vụ cho Thành phố Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2024. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ngành nông nghiệp năm 2023 và định hướng triển khai 2024, Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2024.

Chi cục Trồng trọt và BVTV Hà Nội (2022), “Báo cáo phục vụ rà soát phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi trên địa bàn Hà Nội”, Chi cục Trồng trọt và BVTV Hà Nội, 2022.

Chi cục Trồng trọt và BVTV Hà Nội (2023), “Kết quả khảo sát tình hình sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà”, Báo cáo cung cấp thông tin cho đoàn làm việc của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Tháng 3, 2023

Cục Thống kê Thành phố Hà Nội, 2023. Niên giám thống kê Hà Nội 2023. Nhà xuất bản Thống kê 2023.

Cục Thống kê Thành phố Hà Nội, 2018. Niên giám thống kê Hà Nội 2018. Nhà xuất bản Thống kê 2018.

UBND thành phố Hà Nội, 2019. Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/06/2019 về việc ban hành Danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn Thành phố Hà Nội và tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Thành phố Hà Nội, UBND Thành phố Hà Nội.

UBND thành phố Hà Nội, 2023. Quyết định số 4537/QĐ-UBND ngày 11/09/2023 về việc ban hành Danh mục định hướng các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn Thành phố Hà Nội, UBND Thành phố Hà Nội, 2023

Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, 2023. Báo cáo Số 247/BC-SNN ngày 28/08/2023 về Kết quả rà soát các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh trên địa bàn Hà Nội.

Study and evaluation of development planning vegetable and fruit production areas concentrated in Hanoi

Ta Hong Linh, Nguyen Nam Giang, Pham Thi Thu Ha

Abstract

Planning of concentrated production areas plays an important role in promoting commodity production in general and agricultural production in particular. The establishment of concentrated areas permits the building of stable consumption chains, ensuring product quality and increasing farmers’ income. Recognizing the role of planning concentrated production areas, Hanoi issued Decision No. 3215/QĐ-UBND dated June 14, 2019 approving the list of concentrated vegetable and fruit production areas. However, after 4 years of implementation, this list has revealed many problems that have not met the set goals for development of vegetables and fruit trees. This study aimed to assess the level of completion of area indicators according to Decision 3215/QĐ-UBND dated June 14, 2019 and to find out some existing problems in the planning implementation process. The results showed that the concentrated production areas according to the list are currently not achieving. The increase rate in areas and yield of vegetables and fruit trees in the regions is still quite slow. Many areas have developed beyond the plan. The results also pointed out a number of problems in the planning process, including production resources and techniques; infrastructure; chain production and implementing policies on planning and supporting concentrated production areas at present.

Keywords: Vegetables, fruit trees, planning, concentrated production, Hanoi

Ngày nhận bài: 21/11/2024

Ngày phản biện: 17/12/2024

Người phản biện: TS. Phạm Công Nghiệp

Ngày duyệt đăng: 18/02/2025